

Số: 10/2025/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 01 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; trẻ em; quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em; bảo trợ xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 2 như sau:

“d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở.”

3. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 2.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 5 Điều 2 như sau:

“h. Thường trực Ban Chỉ đạo Chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 2 như sau:

“10. Về thiết bị y tế:

a) Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế và công trình y tế trên địa bàn tỉnh;

b) Tiếp nhận hồ sơ, đăng tải công khai thông tin và hồ sơ công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế, cơ sở đủ điều kiện mua, bán thiết bị y tế; số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B và hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng; danh sách các thiết bị y tế đã bị thu hồi số lưu hành trên cổng thông tin điện tử về quản lý thiết bị y tế.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 11 Điều 2 như sau:

“e) Thường trực Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển của tỉnh.”

7. Bổ sung điểm b khoản 12 Điều 2 như sau:

“b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội ở địa phương trong kiểm tra, thanh tra (nếu có), xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.”

8. Bổ sung khoản 14a, 14b, 14c, 14d vào sau khoản 14 Điều 2 như sau:

“14a. Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ thường trực về phòng, chống mại dâm;

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức quản lý, triển khai thực hiện công tác phòng, chống mại dâm. Hỗ trợ giảm tác hại, hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm;

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về chính sách, giải pháp phòng, ngừa tệ nạn mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Hướng dẫn tổ chức và hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về phòng, ngừa tệ nạn mại dâm.

14b. Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, mô hình, dự án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em;

b) Tổ chức, theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; các chế độ, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

c) Quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp tỉnh;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về: phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tháng hành động vì trẻ em;

đ) Điều phối thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương; đề xuất việc bố trí, vận động nguồn lực bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em tại địa phương;

e) Tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo thẩm quyền;

g) Hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; đề xuất việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em khi địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

h) Xây dựng báo cáo hằng năm hoặc đột xuất về việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của địa phương.

14c. Lĩnh vực bảo trợ xã hội:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chương trình, dự án, đề án về công tác người cao tuổi, người khuyết tật, trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Tổ chức xây dựng mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội, tổ chức cung cấp các dịch vụ công tác xã hội, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi và các loại hình cơ sở khác có chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội;

c) Quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội; chế độ, chính sách và pháp luật đối với người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp; hướng dẫn tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào các cơ sở trợ giúp xã hội và từ cơ sở trợ giúp xã hội về gia đình;

đ) Tổng hợp, thống kê số liệu về đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí, người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội khác.

14d. Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ:

Theo dõi, quản lý, tổ chức khám bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ hằng năm, khám ngoại viện đối với cán bộ diện bảo vệ sức khỏe theo quy định.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 Điều 2 như sau:

“16. Triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế theo mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chương trình cải cách hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 18 Điều 2 như sau:

“18. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về y tế; chịu trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 20 Điều 2 như sau:

“20. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thanh tra (khi có tổ chức thanh tra), kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế và trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025. Bãi bỏ các lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội, trẻ em, bảo trợ xã hội tại Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Kạn.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ: Y tế, Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bắc Kạn;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình